

VAI TRÒ CỦA NĂNG LỰC NGÔN NGỮ ĐỐI VỚI ĐỘI NGŨ BIÊN TẬP VIÊN TRƯỚC YÊU CẦU BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG

ĐẶNG MỸ HẠNH
Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Nhận bài ngày 21/8/2026. Sửa chữa xong 22/9/2026. Duyệt đăng 25/9/2026.

Abstract

In an era of information proliferation and rapid digital-platform development, the growing volume of media products places increasingly demanding requirements on efforts to safeguard the ideological foundation of the Party and President Ho Chi Minh. As professionals directly responsible for evaluating and shaping content, editors play an important role in ideological orientation and in protecting this foundation on the cultural front. To fulfill this responsibility, editors must continuously develop their linguistic competence, which serves as a fundamental tool for identifying, processing, and directing information. Strengthening editors' linguistic competence is therefore essential to improving the quality and effectiveness of efforts to safeguard the Party's ideological foundation in the new context.

Keywords: Editing, editors, ideological foundation, linguistic competence, publications, publishing, the Party.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh bùng nổ thông tin và phát triển nhanh chóng của các nền tảng số, khối lượng và tốc độ lan truyền của các sản phẩm truyền thông ngày càng gia tăng, tạo ra nhiều cơ hội tiếp cận thông tin nhưng đồng thời đặt ra những yêu cầu mới đối với công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Sự đa dạng về nội dung, hình thức và nguồn phát hành khiến quá trình lựa chọn, thẩm định và định hướng thông tin trở nên phức tạp hơn, đòi hỏi những người trực tiếp tham gia biên tập phải có năng lực chuyên môn phù hợp.

Trong hoạt động xuất bản và truyền thông, biên tập viên (BTV) giữ vai trò quan trọng trong kiểm soát chất lượng nội dung, bảo đảm tính chính xác, chuẩn mực và định hướng của sản phẩm trước khi công bố. Đặc biệt, đối với những nội dung liên quan đến các vấn đề chính trị, tư tưởng và xã hội, năng lực của BTV không chỉ thể hiện ở khả năng xử lý văn bản mà còn ở khả năng nhận diện thông tin, đánh giá cách diễn đạt và lựa chọn ngôn ngữ phù hợp với mục đích truyền thông. Trong đó, năng lực ngôn ngữ (NLNN) là một thành tố quan trọng, giúp BTV phân tích, chỉnh sửa và tổ chức thông tin một cách chính xác, rõ ràng và thuyết phục. Tuy nhiên, trước sự thay đổi nhanh chóng của môi trường truyền thông số, yêu cầu đối với NLNN của BTV không còn giới hạn ở việc sử dụng đúng chuẩn ngôn ngữ mà còn mở rộng sang khả năng xử lý các dạng thức thông tin mới, nhận diện cách diễn đạt thiếu chính xác hoặc gây hiểu nhầm và điều chỉnh nội dung phù hợp với từng kênh truyền thông. Vì vậy, nghiên cứu NLNN của đội ngũ BTV có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn, góp phần xác định những yêu cầu cần thiết đối với đội ngũ này trong bối cảnh truyền thông hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số khái niệm cơ bản

2.1.1. Khái niệm năng lực ngôn ngữ

Theo Đào Duy Anh (2005), “năng” được hiểu là tài cán, sức làm việc, khả năng làm được hoặc gánh vác một công việc; “lực” là sức, tài sức làm việc. Thiều Châu (2001) cũng giải thích “năng” theo nghĩa tài năng, sức

Email: Dangmyhanhajc@gmail.com

làm nổi một việc, còn “lực” là sức hoặc tài sức làm việc của con người. Từ đó, có thể hiểu năng lực trước hết là khả năng thực hiện và giải quyết một công việc nhất định. Nguyễn Như Ý (2002) định nghĩa năng lực là “khả năng làm việc tốt”. Trong lĩnh vực ngôn ngữ học, Nguyễn Thiện Giáp (2016) cũng sử dụng khái niệm khả năng khi giải thích các dạng NLNN. Như vậy, ở nghĩa khái quát, NLNN có thể được hiểu là khả năng sử dụng ngôn ngữ để thực hiện một hoạt động hoặc đạt được mục đích giao tiếp.

Từ góc độ ngôn ngữ học, Chomsky (1965) phân biệt NLNN (linguistic competence) với sự thực hiện ngôn ngữ (performance), trong đó NLNN liên quan đến tri thức ngôn ngữ của người sử dụng, còn sự thực hiện thể hiện qua việc sử dụng tri thức đó trong hoạt động ngôn ngữ. Những nghiên cứu sau này mở rộng cách tiếp cận này bằng việc nhấn mạnh vai trò của bối cảnh và khả năng sử dụng ngôn ngữ phù hợp với tình huống giao tiếp. Campbell và Wales (1970) lưu ý đến mối quan hệ giữa NLNN, năng lực giao tiếp và bối cảnh; Hymes (1972) phát triển khái niệm năng lực giao tiếp theo hướng không chỉ bao gồm việc biết ngôn ngữ mà còn biết sử dụng ngôn ngữ phù hợp với hoàn cảnh xã hội. Canale và Swain (1980) phát triển mô hình năng lực giao tiếp, nhấn mạnh các thành tố kiến thức và khả năng sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp.

Từ những cách tiếp cận trên cho thấy, trong nghiên cứu này, NLNN được hiểu theo nghĩa thực hành là khả năng huy động tri thức và kĩ năng ngôn ngữ để tiếp nhận, biểu đạt và vận dụng ngôn ngữ phù hợp với bối cảnh nhằm đạt được mục đích giao tiếp. Theo đó, NLNN được xem xét qua bốn yếu tố: 1) Kiến thức và hiểu biết về ngôn ngữ, bao gồm ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng và ngữ nghĩa; 2) Khả năng tiếp nhận ngôn ngữ, tức hiểu và xử lí thông tin được truyền đạt bằng lời nói hoặc văn bản; 3) Khả năng biểu đạt bằng ngôn ngữ, thể hiện ở việc sử dụng ngôn ngữ rõ ràng, mạch lạc, phù hợp; 4) Khả năng vận dụng ngôn ngữ theo ngữ cảnh, tức lựa chọn và điều chỉnh cách sử dụng ngôn ngữ phù hợp với đối tượng, tình huống và mục đích giao tiếp.

2.1.2. Biên tập viên và công tác biên tập

Đối với đội ngũ BTV, NLNN là một trong những năng lực nghề nghiệp quan trọng. Theo Nguyễn Như Ý và Đinh Xuân Dũng (2023), biên tập là công việc chuyên môn trong các cơ quan thông tấn, báo chí và xuất bản, trong đó BTV đọc, phân tích, rà soát và chỉnh sửa bản thảo nhằm bảo đảm tính đúng đắn của quan điểm chính trị, tính chính xác của nội dung, sự rõ ràng, trong sáng của văn phong và tính thẩm mỹ của sản phẩm trước khi công bố. Vì vậy, công tác biên tập không chỉ dừng ở sửa lỗi từ ngữ, câu chữ, dấu câu mà còn bao gồm việc xem xét nội dung, cách diễn đạt và thông điệp của văn bản. Đặc thù của công việc biên tập là bản thảo sau chỉnh sửa sẽ đến với những nhóm công chúng khác nhau. BTV vì thế không đơn thuần là người sửa chữ mà còn tham gia lựa chọn, hoàn thiện và định hướng thông tin. Điều này đòi hỏi khả năng sử dụng ngôn ngữ chính xác, linh hoạt, nhạy cảm với sắc thái từ ngữ và nhận biết hàm ý trong văn bản. NLNN do đó là năng lực nền tảng giúp BTV thực hiện công việc với trách nhiệm chuyên môn và xã hội cao.

Năng lực ngôn ngữ giúp BTV kiểm soát và thẩm định thông tin. BTV cần nhận diện những từ ngữ dễ gây hiểu sai, cách diễn đạt thiếu chính xác, hàm ý không phù hợp hoặc những nội dung có thể dẫn đến cách hiểu khác với ý đồ của tác giả. NLNN không chỉ giúp phát hiện lỗi ngôn ngữ mà còn hỗ trợ đánh giá tác động của cách diễn đạt đối với nội dung và thông điệp của tác phẩm. Trong báo chí cách mạng, điều này còn gắn với yêu cầu bảo đảm tính đúng đắn về quan điểm, đường lối và định hướng thông tin.

Năng lực ngôn ngữ giúp BTV góp phần định hướng tư tưởng xã hội. Báo chí không chỉ cung cấp thông tin mà còn tác động đến nhận thức và thái độ của công chúng. Vì vậy, BTV cần tổ chức ngôn ngữ chính xác, rõ ràng, phù hợp với đối tượng tiếp nhận, đồng thời bảo đảm tính thuyết phục và trách nhiệm xã hội của sản phẩm báo chí. Trong môi trường Internet và mạng xã hội, việc sử dụng ngôn ngữ chuẩn mực, có căn cứ và dễ hiểu cũng góp phần giúp công chúng nhận diện thông tin chính xác, hạn chế tiếp nhận những thông tin sai lệch, thiếu căn cứ.

Năng lực ngôn ngữ giúp BTV lan tỏa các giá trị tư tưởng của Đảng và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đối với báo chí cách mạng, ngôn ngữ là phương tiện quan trọng để truyền tải chủ trương, đường lối của Đảng,

chính sách, pháp luật của Nhà nước và các giá trị tư tưởng, đạo đức, văn hóa đến công chúng. Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị xác định các cơ quan báo chí là một lực lượng nòng cốt trong nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Trong thực hiện nhiệm vụ này, NLNN của BTV góp phần bảo đảm các nội dung chính trị, tư tưởng được chuyển tải chính xác, dễ hiểu, có sức thuyết phục và phù hợp với từng nhóm công chúng.

Năng lực ngôn ngữ giúp BTV đổi mới phương thức truyền thông. Sự phát triển của báo điện tử, mạng xã hội và các nền tảng số làm thay đổi cách công chúng tiếp nhận thông tin. BTV cần điều chỉnh cách viết, cấu trúc văn bản và cách sử dụng ngôn ngữ phù hợp với từng nền tảng và nhóm công chúng nhưng vẫn bảo đảm tính chính xác, chuẩn mực và định hướng của nội dung. Luật Báo chí xác định báo chí gồm báo in, báo nói, báo hình và báo điện tử, cho thấy hoạt động báo chí ngày càng được thực hiện trên nhiều phương thức và môi trường truyền thông khác nhau.

Năng lực ngôn ngữ giúp BTV góp phần giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt và bản sắc văn hóa của báo chí cách mạng Việt Nam. Việc lựa chọn từ ngữ chính xác, sử dụng câu văn rõ nghĩa, hạn chế cách dùng từ tùy tiện, lai căng hoặc lệch chuẩn không chỉ là yêu cầu đối với từng sản phẩm mà còn góp phần giữ gìn chuẩn mực ngôn ngữ trong xã hội.

Từ những phương diện trên có thể thấy, NLNN của BTV không chỉ là khả năng sử dụng đúng tiếng Việt mà còn là khả năng nhận diện, đánh giá, lựa chọn, điều chỉnh và vận dụng ngôn ngữ phù hợp với nội dung, đối tượng, hoàn cảnh và mục đích truyền thông. Trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, NLNN góp phần bảo đảm việc truyền tải các giá trị tư tưởng, văn hóa và ngôn ngữ dân tộc một cách chính xác, chuẩn mực, có sức thuyết phục, qua đó góp phần giữ gìn tính văn hóa và tính chiến đấu của báo chí cách mạng Việt Nam.

2.1.3. Vai trò, nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng

Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị xác định bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng gắn với bảo vệ Đảng, Cương lĩnh chính trị, đường lối của Đảng; bảo vệ nhân dân, Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, công cuộc đổi mới và lợi ích quốc gia, dân tộc. Đây là nhiệm vụ quan trọng, có ý nghĩa sống còn đối với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân (Phạm Đức Kiên, Lê Thị Chiên, 2020).

Trong thực hiện nhiệm vụ này, báo chí và truyền thông có vai trò quan trọng trong tuyên truyền chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng; cung cấp thông tin chính thống, định hướng dư luận và góp phần nâng cao “sức đề kháng” của công chúng trước thông tin sai lệch. Từ đó, đội ngũ BTV cũng giữ vị trí quan trọng trong việc kiểm tra, xử lý và hoàn thiện thông tin trước khi công bố, góp phần bảo đảm tính chính xác và định hướng của sản phẩm báo chí.

Trong môi trường truyền thông đa nền tảng, BTV không chỉ cần kiến thức chuyên môn mà còn phải có khả năng nhận diện sắc thái, hàm ý và tác động của ngôn ngữ, lựa chọn cách diễn đạt phù hợp với nội dung và đối tượng tiếp nhận. Vì vậy, NLNN là một trong những điều kiện quan trọng giúp BTV kiểm soát, hoàn thiện và định hướng thông tin, qua đó góp phần thực hiện nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên phương diện báo chí và truyền thông.

2.2. Vai trò của năng lực ngôn ngữ đối với đội ngũ biên tập viên trước yêu cầu bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và tư tưởng Hồ Chí Minh

2.2.1. Năng lực ngôn ngữ giúp biên tập viên góp phần làm thất bại các âm mưu, thủ đoạn nhằm xóa bỏ nền tảng tư tưởng của Đảng; bảo vệ, phát triển và phát huy vai trò chủ đạo của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong đời sống tinh thần xã hội Việt Nam

Một trong những yêu cầu của báo chí, xuất bản là góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch và lan tỏa những giá trị tư tưởng, chính trị phù hợp với định hướng của Đảng. Trong quá trình đó, NLNN là năng lực quan trọng giúp BTV chuyển tải tư tưởng, quan điểm và các giá trị đến công chúng.

Năng lực ngôn ngữ giúp BTV biên tập các tác phẩm lý luận, chính trị và tư tưởng một cách chính xác, rõ ràng. Đối với những nội dung về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng, BTV cần không chỉ sử dụng ngôn ngữ chính xác mà còn có hiểu biết về các lĩnh vực liên quan để nhận diện thuật ngữ, khái niệm và những cách diễn đạt có thể gây hiểu sai. Đồng thời, NLNN giúp BTV đưa những nội dung lý luận vốn khái quát, trừu tượng đến gần hơn với đời sống thông qua cách diễn đạt phù hợp với từng nhóm độc giả.

Bên cạnh các tác phẩm lý luận, những tác phẩm văn học, lịch sử và câu chuyện về con người, sự kiện trong quá trình đấu tranh giành và bảo vệ độc lập dân tộc cũng góp phần chuyển tải các giá trị tư tưởng một cách sinh động. Chẳng hạn, câu nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh được Đại tướng Võ Nguyên Giáp ghi lại trong *Tổng tập hồi ký*: “Dù hy sinh tới đâu, dù có phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập” thể hiện rõ ý chí độc lập dân tộc (Võ Nguyên Giáp, 2011, tr. 129-130). Những nội dung như vậy, nếu được lựa chọn và biên tập phù hợp, có thể giúp thế hệ trẻ tiếp nhận tự nhiên hơn các giá trị về lòng yêu nước, trách nhiệm với cộng đồng và bảo vệ Tổ quốc.

Vì vậy, NLNN của BTV không chỉ là khả năng sửa đúng câu chữ mà còn là khả năng lựa chọn, tổ chức và điều chỉnh ngôn ngữ để nội dung lý luận, chính trị và lịch sử được truyền tải chính xác, dễ hiểu và thuyết phục. Với vai trò là cầu nối giữa nội dung và công chúng, BTV góp phần đưa các giá trị của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và những giá trị của cách mạng Việt Nam đến với các nhóm độc giả bằng những hình thức phù hợp, qua đó góp phần thực hiện nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

2.2.2. Năng lực ngôn ngữ giúp đội ngũ biên tập viên sử dụng “vũ khí” ngôn từ, góp phần vô hiệu hóa các luận điệu sai trái, thù địch; bảo vệ nền tảng tư tưởng và quan điểm đổi mới của Đảng

Trước hết, NLNN giúp BTV tham gia biên tập các tác phẩm chính luận, góp phần phản bác những luận điệu sai trái, thù địch bằng lập luận có cơ sở khoa học và gắn với thực tiễn Việt Nam. Trong những tác phẩm này, sức thuyết phục không chỉ phụ thuộc vào nội dung mà còn ở cách lựa chọn từ ngữ, tổ chức luận điểm và trình bày lập luận. NLNN giúp BTV phát hiện những điểm chưa rõ, cách diễn đạt dễ gây hiểu sai, đồng thời hoàn thiện ngôn ngữ và cấu trúc tác phẩm mà vẫn giữ được nội dung, quan điểm của tác giả. Tiêu biểu là các ấn phẩm do đội ngũ BTV tại NXB Chính trị Quốc gia Sự thật tổ chức biên tập, trong đó có nhiều tác phẩm trực tiếp làm rõ các vấn đề lý luận và thực tiễn, đấu tranh với những quan điểm sai trái, đồng thời khẳng định tính đúng đắn của nền tảng tư tưởng mà Đảng lựa chọn. “Vũ khí” ngôn từ ở đây không chỉ là phản bác trực diện mà còn ở khả năng trình bày vấn đề rõ ràng, có căn cứ và sức thuyết phục, giúp những nội dung lý luận đến gần hơn với công chúng.

Bên cạnh các tác phẩm chính luận, những dòng sách về quê hương, đất nước, lịch sử dân tộc và những tấm gương hy sinh, cống hiến trong văn hóa, ngoại giao, quân sự cũng góp phần lan tỏa các giá trị tư tưởng và lý tưởng cách mạng. Thông qua những câu chuyện và hình tượng cụ thể, các giá trị như lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc, trách nhiệm với cộng đồng và tinh thần bảo vệ Tổ quốc trở nên gần gũi hơn, đặc biệt với thế hệ trẻ.

Trong quá trình đó, NLNN giúp BTV lựa chọn từ ngữ, tổ chức nội dung và điều chỉnh cách diễn đạt phù hợp với từng nhóm độc giả, vừa bảo đảm tính chính xác vừa tạo sự gần gũi, dễ hiểu và có sức gợi. Như vậy, “vũ khí” ngôn từ của BTV không chỉ được sử dụng để phản bác quan điểm sai trái mà còn để khẳng định, giải thích và lan tỏa những giá trị đúng đắn. Qua đó, BTV góp phần đưa các giá trị của nền tảng tư tưởng của Đảng và văn hóa dân tộc đến gần hơn với công chúng.

2.2.3. Năng lực ngôn ngữ giúp đội ngũ biên tập viên có tư duy biên tập sắc bén; góp phần xây dựng hệ thống lập luận - phản biện đanh thép, đấu tranh với các luận điệu sai trái, thù địch

Với NLNN, ngôn ngữ của BTV không chỉ là phương tiện diễn đạt mà còn trở thành một “hệ thống phòng thủ” trong quá trình tiếp nhận và xử lý thông tin. Các thế lực thù địch có thể sử dụng nhiều hình thức khác nhau, trong đó có xuất bản phẩm để xuyên tạc hoặc làm sai lệch các quan điểm của Đảng. Vì vậy, NLNN giúp BTV chủ động nhận diện những vấn đề bất thường trong bản thảo, kịp thời xử lý và hạn chế khả năng những nội dung sai trái được truyền tải đến công chúng.

Những nội dung xuyên tạc không phải lúc nào cũng được thể hiện trực tiếp bằng những lời lẽ chống phá. Nhiều khi, thông điệp được đặt phía sau câu chữ, thông qua cách lựa chọn từ ngữ, ngữ cảnh, cách đặt vấn đề hoặc những hàm ý khó nhận biết. Do ngôn ngữ là một tín hiệu xã hội đặc biệt, việc hiểu đúng một văn bản không chỉ dừng ở nghĩa trực tiếp của từ ngữ mà còn đòi hỏi khả năng nhận diện hàm ý và bối cảnh sử dụng. Vì thế NLNN giúp BTV nhạy bén hơn trước những cách diễn đạt tinh vi, những thông tin mạo danh, bóp méo lịch sử hoặc làm sai lệch hình ảnh, uy tín của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Không chỉ dừng ở việc phát hiện, NLNN còn giúp BTV phối hợp với tác giả hoàn thiện hệ thống lập luận, làm rõ những điểm chưa đầy đủ và tăng tính chặt chẽ, thuyết phục của nội dung phản biện. BTV không thay tác giả viết lại tác phẩm mà bằng NLNN và tư duy biên tập, giúp tác giả diễn đạt đầy đủ hơn những luận điểm cần thiết, lựa chọn cách lập luận phù hợp và làm nổi bật cơ sở khoa học, thực tiễn của vấn đề. Qua đó, ngôn ngữ trở thành một phương tiện quan trọng để đấu tranh với những thông tin sai lệch bằng lập luận rõ ràng, có căn cứ và có sức thuyết phục. Bên cạnh đó, NLNN giúp BTV biên tập những nội dung lý luận chính trị vốn có tính khái quát và phức tạp trở nên rõ ràng, dễ hiểu và gần gũi hơn với công chúng. Khi lý luận được diễn đạt bằng ngôn ngữ phù hợp, những nội dung tưởng như khô khan có thể đi vào đời sống một cách tự nhiên hơn. Khi đó, lý luận không còn xa lạ mà được kết nối với những vấn đề và trải nghiệm cụ thể của con người, góp phần hình thành nhận thức, tình cảm và lý tưởng cho các thế hệ.

2.2.4. Năng lực ngôn ngữ giúp biên tập viên có khả năng chọn lọc thông tin; góp phần định hướng tư tưởng đúng đắn trong công chúng

Trong hoạt động biên tập, thông tin chỉ thực sự có giá trị khi được lựa chọn, kiểm tra và diễn đạt phù hợp trước khi đến với công chúng. Vì vậy, NLNN có thể được xem như một trong những “bộ lọc” quan trọng giúp BTV nhận diện và xử lý thông tin. Khả năng chọn lọc thông tin được hình thành từ nhiều năng lực khác nhau, trong đó NLNN giúp BTV nhận biết sắc thái của từ ngữ, bối cảnh sử dụng và những hàm ý có thể nằm phía sau cách diễn đạt tưởng như bình thường.

Các thông tin sai lệch hoặc có dụng ý xấu không phải lúc nào cũng được thể hiện bằng những lời lẽ trực tiếp. Chúng có thể được che giấu sau cách sử dụng từ ngữ hoa mỹ, những hình ảnh ẩn dụ hoặc một ngữ cảnh được sắp đặt nhằm tạo ra cách hiểu nhất định. NLNN giúp BTV không chỉ đọc thông tin ở nghĩa bề mặt mà còn chú ý đến cách thông tin được diễn đạt, mối quan hệ giữa các từ ngữ và thông điệp mà toàn bộ văn bản hướng tới. Nhờ đó, BTV có thêm cơ sở để phát hiện những nội dung không phù hợp, lựa chọn thông tin chính xác và hoàn thiện sản phẩm trước khi công bố.

Ở phương diện này, NLNN không thay thế các yêu cầu về kiểm chứng nguồn tin và thẩm định nội dung nhưng hỗ trợ BTV thực hiện tốt hơn quá trình đọc, phân tích và xử lý thông tin. Khi thông tin được chọn lọc và diễn đạt chính xác, rõ ràng, hoạt động biên tập đồng thời góp phần định hướng cách tiếp nhận của công chúng, hạn chế những cách hiểu sai lệch và lan tỏa những thông tin có giá trị.

2.2.5. Năng lực ngôn ngữ giúp biên tập viên truyền cảm hứng về tư tưởng Hồ Chí Minh thông qua việc biên tập các xuất bản phẩm về Người

Năng lực ngôn ngữ giúp BTV biên tập, biên soạn các tác phẩm về Chủ tịch Hồ Chí Minh và tư tưởng của Người theo hướng chân thực, gần gũi, dễ hiểu và giàu sức truyền cảm. Đặc biệt, với các xuất bản phẩm dành cho thiếu niên, nhi đồng, cách lựa chọn ngôn ngữ, xây dựng hình ảnh và kể chuyện có ý nghĩa quan trọng. Những câu chuyện về sự giản dị, tiết kiệm, thương dân, chăm lo cho nhân dân và lối sống của Bác có thể được lựa chọn, biên tập phù hợp với từng lứa tuổi để người đọc dễ hiểu, dễ nhớ và dễ liên hệ với cuộc sống. Thực tế cho thấy, nhiều tác phẩm về Chủ tịch Hồ Chí Minh được giới thiệu đến thanh niên, thiếu niên theo những cách tiếp cận đa dạng, qua đó góp phần lan tỏa ý nghĩa và giá trị của việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Điều này cho biết việc truyền tải tư tưởng không chỉ thông qua các tác phẩm lý luận mà còn có thể được thực hiện qua những câu chuyện, hình ảnh và việc làm cụ thể của Người. Trong quá trình đó, NLNN giúp BTV lựa chọn cách kể, cách diễn đạt và mức độ thông tin phù hợp với từng nhóm độc giả, làm cho những giá trị tư tưởng trở

nên gần gũi và dễ tiếp nhận hơn. Với thế hệ trẻ, những câu chuyện cụ thể về cách ứng xử, lối sống và tình cảm của Bác có thể tạo sự kết nối giữa tư tưởng với đời sống, từ đó khơi gợi tình cảm, ý thức học tập và trách nhiệm cá nhân.

Có thể nói, sức lan tỏa của các xuất bản phẩm về Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ phụ thuộc vào giá trị nội dung mà còn vào cách nội dung được chuyển tải. Khi BTV có NLNN tốt, những câu chuyện và giá trị tư tưởng có thể được thể hiện sinh động, tự nhiên và giàu sức gợi hơn. Qua đó, công tác biên tập góp phần giúp tư tưởng Hồ Chí Minh được tiếp nhận không chỉ bằng nhận thức mà còn bằng tình cảm, tạo điều kiện để những giá trị ấy được ghi nhớ và vận dụng trong đời sống.

3. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy, NLNN là một năng lực nghề nghiệp quan trọng của đội ngũ BTV, không chỉ giúp bảo đảm chất lượng ngôn ngữ của xuất bản phẩm mà còn góp phần thực hiện chức năng tư tưởng, chính trị và xã hội của hoạt động biên tập. Trên cơ sở phân tích các phương diện của NLNN, nghiên cứu cho thấy NLNN giúp BTV góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch; bảo vệ, phát triển và lan tỏa các giá trị của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong đời sống tinh thần xã hội Việt Nam.

Năng lực ngôn ngữ giúp BTV hình thành tư duy biên tập sắc bén, nhận diện những cách diễn đạt thiếu chính xác, mơ hồ, xuyên tạc hoặc chứa đựng những hàm ý có thể gây hiểu sai. Qua đó, BTV có thể hoàn thiện nội dung, tổ chức luận điểm và nâng cao tính chặt chẽ, thuyết phục của các lập luận phản biện. Đồng thời, NLNN hỗ trợ BTV lựa chọn, kiểm tra và xử lý thông tin trước khi công bố, góp phần bảo đảm thông tin chính xác, chuẩn mực và phù hợp với đối tượng tiếp nhận, từ đó định hướng nhận thức và tư tưởng đúng đắn trong công chúng. Bên cạnh đó, NLNN có vai trò quan trọng trong việc truyền cảm hứng về tư tưởng Hồ Chí Minh thông qua các xuất bản phẩm về Người. Việc lựa chọn câu chuyện, hình ảnh và cách diễn đạt phù hợp với từng nhóm độc giả, nhất là thanh thiếu niên, giúp những giá trị về tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh trở nên gần gũi, dễ hiểu và dễ tiếp nhận hơn.

Như vậy, NLNN của BTV không chỉ là khả năng sử dụng ngôn ngữ chính xác mà còn là khả năng lựa chọn, điều chỉnh và vận dụng ngôn ngữ phù hợp với nội dung, đối tượng và mục đích truyền thông. Nâng cao NLNN góp phần nâng cao chất lượng công tác biên tập và phát huy vai trò của BTV trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, lan tỏa các giá trị của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tài liệu tham khảo

- Canale, M., & Swain, M. (1980). Theoretical bases of communicative approaches to second language teaching and testing. *Applied Linguistics*, 1(1), 1-47. <https://doi.org/10.1093/applin/1.1.1>.
- Chomsky, N. (1965). *Aspects of the Theory of Syntax*. MIT Press.
- Campbell, R., & Wales, R. (1970). The study of language acquisition. In J. Lyons (Ed.), *New horizons in linguistics* (pp. 242-260). Penguin Books.
- Đào Duy Anh (2005). *Từ điển Việt - Hán*. NXB Văn hóa - Thông tin.
- Hymes, D. H. (1972). On communicative competence. In J. B. Pride & J. Holmes (Eds.), *Sociolinguistics: Selected readings* (pp. 269-293). Penguin.
- Nguyễn Như Ý (2002). *Từ điển tiếng Việt thông dụng*. NXB Giáo dục.
- Nguyễn Như Ý, Đinh Xuân Dũng (2023). *Từ điển Xuất bản Việt Nam* (Sơ thảo). NXB Thông tin và Truyền thông.
- Nguyễn Thiện Giáp (2016). *Từ điển Khái niệm Ngôn ngữ học*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Phạm Đức Kiên, Lê Thị Chiên (2020). Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch: Một số kết quả và bài học kinh nghiệm. *Tạp chí Lịch sử Đảng*, số 3, tr. 70-75.
- Thiếu Châu (2001). *Hán Việt tự điển*. NXB Văn hóa - Thông tin.
- Võ Nguyên Giáp (2011). *Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Tổng tập hồi ký*. NXB Quân đội nhân dân.